

Số: 333/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao biên chế công chức hành chính; phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 của tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Kết Luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Chính trị: Số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 về biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức hành chính; phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 của tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo số 687/BC-PC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc giao biên chế công chức hành chính; phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 của tỉnh Thanh Hóa; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức hành chính; phê duyệt số lượng người làm việc trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; biên chế sự nghiệp cho các Hội đặc thù năm 2023 của tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Biên chế công chức hành chính: 3.698 biên chế.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Số lượng người làm việc trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập: 61.273 người, trong đó:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo : 53.684 người;
- Sự nghiệp Y tế : 5.164 người;
- Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và Thể thao: 876 người;
- Sự nghiệp khác : 1.549 người.

(Có Phụ lục II kèm theo)

3. Biên chế sự nghiệp cho các Hội đặc thù cấp tỉnh: 78 biên chế và 01 định suất lương.

(Có Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Số lượng biên chế dự phòng: 15 biên chế.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này tổ chức triển khai theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc tuyển dụng, tiếp nhận, quản lý, sử dụng công chức, viên chức, bảo đảm không vượt quá số biên chế giao và phê duyệt theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng

Phụ lục I

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ,
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2023**
(Kèm theo Nghị quyết số 333/NQ-HĐND tỉnh ngày 11 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
	Tổng số (I+II)	3.698
I	CẤP HUYỆN	1.853
1	Huyện Mường Lát	58
2	Huyện Quan Sơn	60
3	Huyện Quan Hóa	60
4	Huyện Bá Thước	69
5	Huyện Lang Chánh	60
6	Huyện Thường Xuân	69
7	Huyện Như Xuân	60
8	Huyện Như Thanh	60
9	Huyện Ngọc Lặc	69
10	Huyện Cẩm Thủy	69
11	Huyện Thạch Thành	69
12	Huyện Vĩnh Lộc	60
13	Huyện Thọ Xuân	75
14	Huyện Triệu Sơn	70
15	Huyện Nông Cống	71
16	Huyện Yên Định	69
17	Huyện Thiệu Hóa	69

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
18	Huyện Đông Sơn	60
19	Huyện Hà Trung	60
20	Thị xã Bim Sơn	60
21	Huyện Nga Sơn	69
22	Huyện Hậu Lộc	69
23	Huyện Hoằng Hóa	76
24	Huyện Quảng Xương	70
25	Thị xã Nghi Sơn	102
26	Thành phố Sầm Sơn	65
27	Thành phố Thanh Hóa	105
II	CẤP TỈNH	1.845
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	93
-	Cơ quan Sở	65
-	Chi cục Biển và Hải đảo	14
-	Chi cục Bảo vệ Môi trường	14
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	75
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	560
-	Cơ quan Sở	56
-	Chi cục Thủy lợi	30
-	Chi cục Phát triển nông thôn	22
-	Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới	16



STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
-	Chi cục Thủy sản	32
-	Chi cục Chăn nuôi Thú y	21
-	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	22
-	Chi cục Kiểm lâm	268
-	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	17
-	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bến En	20
-	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	19
-	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	22
-	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	15
4	Sở Tư pháp	41
5	Sở Công Thương	61
6	Sở Xây dựng	68
7	Sở Giao thông vận tải	76
8	Ban An toàn giao thông tỉnh	3
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	70
10	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	124
-	Cơ quan Văn Phòng	99
-	Trung tâm hành chính công tỉnh Thanh Hóa	15
-	Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa	10
11	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	36
12	Sở Nội vụ	72

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
-	Cơ quan Sở	39
-	Ban Thi đua khen thưởng	13
-	Ban Tôn giáo	10
-	Chi cục Văn thư lưu trữ	10
13	Sở Tài chính	93
14	Sở Y tế	76
-	Cơ quan Sở	45
-	Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	16
-	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	15
15	Sở Khoa học và Công nghệ	58
-	Cơ quan Sở	39
-	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	19
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	70
17	Sở Thông tin và Truyền thông	31
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	77
19	Thanh tra tỉnh	45
20	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	67
21	Ban Dân tộc	28
22	Sở Ngoại vụ	21

Phụ lục II
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CỦA CÁC SỞ, CƠ QUAN
NGANG SỞ, CƠ QUAN TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH;
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số 333/NQ-HĐND tỉnh ngày 11 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
	Tổng số (I+II)	61.273
I	CẤP HUYỆN	47.914
1	Mường Lát	886
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	14
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	8
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>864</i>
+	Mầm non	269
+	Tiểu học	379
+	Trung học cơ sở	205
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	11
2	Quan Sơn	1.057
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	16
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	8
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>1.033</i>
+	Mầm non	455
+	Tiểu học	350
+	Trung học cơ sở	222
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	6
3	Quan Hoá	1.046
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	18
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	9
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>1.019</i>
+	Mầm non	385
+	Tiểu học	385

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
+	Trung học cơ sở	238
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	11
4	Bá Thước	1.759
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	21
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	8
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>1.730</i>
+	Mầm non	666
+	Tiểu học	640
+	Trung học cơ sở	410
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	14
5	Lang Chánh	962
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	15
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	8
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>939</i>
+	Mầm non	363
+	Tiểu học	336
+	Trung học cơ sở	227
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	13
6	Thường Xuân	1.775
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	17
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	9
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>1.749</i>
+	Mầm non	704
+	Tiểu học	632
+	Trung học cơ sở	392
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	21

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
7	Như Xuân	1.329
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	19
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	9
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	1.301
+	Mầm non	532
+	Tiểu học	455
+	Trung học cơ sở	300
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	14
8	Như Thanh	1.513
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	16
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	1.487
+	Mầm non	547
+	Tiểu học	550
+	Trung học cơ sở	369
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	21
9	Ngọc Lặc	1.966
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	17
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	9
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	1.940
+	Mầm non	661
+	Tiểu học	756
+	Trung học cơ sở	489
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	34
10	Cẩm Thủy	1.555
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	18
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	1.527

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
+	Mầm non	599
+	Tiểu học	550
+	Trung học cơ sở	354
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	24
11	Thạch Thành	2.215
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	19
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	11
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	2.185
+	Mầm non	856
+	Tiểu học	764
+	Trung học cơ sở	549
+	Trung cấp nghề	16
12	Vĩnh Lộc	1.146
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	14
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	1.122
+	Mầm non	446
+	Tiểu học	396
+	Trung học cơ sở	262
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	18
13	Thọ Xuân	2.616
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	19
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	11
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	2.586
+	Mầm non	921
+	Tiểu học	936
+	Trung học cơ sở	699
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	30

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
14	Triệu Sơn	2.473
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	13
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	12
-	Sự nghiệp Giáo dục	2.448
+	Mầm non	803
+	Tiểu học	911
+	Trung học cơ sở	705
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	29
15	Nông Công	2.141
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	14
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10
-	Sự nghiệp Giáo dục	2.117
+	Mầm non	696
+	Tiểu học	791
+	Trung học cơ sở	606
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	24
16	Yên Định	2.001
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	14
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	11
-	Sự nghiệp Giáo dục	1.976
+	Mầm non	698
+	Tiểu học	703
+	Trung học cơ sở	548
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	27
17	Thiệu Hoá	1.735
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	11
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	11
-	Sự nghiệp Giáo dục	1.713

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
+	Mầm non	562
+	Tiểu học	641
+	Trung học cơ sở	489
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	21
18	Đông Sơn	933
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	13
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	9
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>911</i>
+	Mầm non	312
+	Tiểu học	331
+	Trung học cơ sở	246
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	22
19	Hà Trung	1.474
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	13
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	11
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>1.450</i>
+	Mầm non	508
+	Tiểu học	546
+	Trung học cơ sở	371
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	25
20	Bỉm Sơn	662
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	14
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	6
-	Đội quy tắc đô thị	5
+	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>637</i>
+	Mầm non	217
+	Tiểu học	216
+	Trung học cơ sở	186



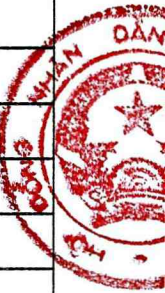
TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
+	Trung cấp nghề	18
21	Nga Sơn	1.785
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	16
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10
-	Sự nghiệp Giáo dục	1.759
+	Mầm non	554
+	Tiểu học	635
+	Trung học cơ sở	543
+	Trung cấp nghề	27
22	Hậu Lộc	2.105
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	13
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	12
-	Sự nghiệp Giáo dục	2.080
+	Mầm non	709
+	Tiểu học	782
+	Trung học cơ sở	564
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	25
23	Hoàng Hoá	2.761
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	22
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	13
-	Sự nghiệp Giáo dục	2.726
+	Mầm non	1.004
+	Tiểu học	963
+	Trung học cơ sở	725
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	34
24	Quảng Xương	2.285
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	15
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	13
-	Sự nghiệp Giáo dục	2.257

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
+	Mầm non	763
+	Tiểu học	829
+	Trung học cơ sở	644
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	21
25	Nghi Sơn	2.898
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	17
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	12
-	Đội quy tắc thị xã	15
-	Ban giải phóng mặt bằng hỗ trợ tái định cư	50
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>2.804</i>
+	Mầm non	875
+	Tiểu học	1.102
+	Trung học cơ sở	803
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	24
26	Sầm Sơn	1.287
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	16
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	9
-	Đội quy tắc thị xã	5
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>1.257</i>
+	Mầm non	435
+	Tiểu học	456
+	Trung học cơ sở	356
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	10
27	Thành phố Thanh Hoá	3.549
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	24
-	Nhà văn hóa thiếu nhi	5
-	Ban Quản lý di tích Hàm rồng	8
-	Đội quy tắc thành phố	16

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	12
-	Sự nghiệp Giáo dục	3.484
+	Mầm non	1.096
+	Tiểu học	1.376
+	Trung học cơ sở	989
+	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	23
II	CẤP TỈNH	13.359
28	Sở Tài nguyên và Môi trường	8
	Trung tâm công nghệ thông tin	8
29	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	394
-	Văn phòng Sở	1
-	Trung tâm Chăm sóc, nuôi dưỡng người có công	64
-	Trung tâm Điều dưỡng người có công	20
-	Trung tâm Bảo trợ xã hội	101
-	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1	62
-	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2	21
-	Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2	29
-	Trung tâm Cung cấp dịch vụ công tác xã hội	29
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	14
-	Trường Trung cấp nghề Miền núi	15
-	Trường Trung cấp nghề Thanh, Thiếu niên khuyết tật, đặc biệt khó khăn	10
-	Trung tâm Chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực Miền núi	26
-	Quỹ Bảo trợ trẻ em	2
30	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	558
-	Chi cục Thủy lợi	79
-	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	29
-	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	11

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
-	Trung tâm Kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng nông lâm thủy sản thuộc Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	7
-	Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới	3
-	Chi cục Kiểm lâm	95
-	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En	46
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	22
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	20
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	17
-	Trung tâm Khuyến nông	36
-	08 Ban Quản lý Rừng phòng hộ	172
-	Ban Quản lý Cảng cá Lạch Hới	7
-	Ban Quản lý Cảng cá Lạch Bạng	7
-	Ban Quản lý Cảng cá Hoà Lộc	7
31	Viện Nông nghiệp	35
32	Sở Tư pháp	50
-	Trung tâm Bán đấu giá tài sản	6
-	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	34
-	02 Phòng công chứng	10
33	Sở Công thương	37
-	Trường Trung cấp nghề Thương mại Du lịch	23
-	Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng	14
34	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.806
-	Các trường trung học phổ thông (bao gồm cả trung học phổ thông của 08 trường liên cấp)	5.592
-	Trung học cơ sở (bao gồm trung học cơ sở của 08 trường 2 cấp học)	147
-	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên - Kỹ thuật	67

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
35	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	20
-	Trung tâm công báo	5
-	Nhà khách 25B	15
36	Sở Nội vụ	18
	Chi cục Văn thư lưu trữ	18
37	Sở Y tế	5.164
-	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình	11
-	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	16
-	Trung tâm Kiểm nghiệm	35
-	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	205
-	Trung tâm Giám định y khoa	15
-	Trung tâm Pháp y	15
-	Khối Trung tâm y tế tuyến huyện	1.180
-	Khối bệnh viện tuyến tỉnh	361
-	Khối bệnh viện tuyến huyện	415
-	Y tế xã	2.911
38	Sở Giao thông vận tải	50
	Thanh tra Giao thông	50
39	Sở Khoa học và Công nghệ	16
-	Trung tâm Thông tin ứng dụng Chuyển giao khoa học công nghệ	10
-	Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	6
40	Sở Thông tin và truyền thông	14
	Trung tâm Công nghệ thông tin	14
41	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	410
-	Thư viện tỉnh	24
-	Trung tâm Nghiên cứu lịch sử và Bảo tồn Di sản Văn hóa Thanh Hóa	27
-	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh	61
-	Bảo tàng tỉnh	17
-	Nhà hát Ca múa kịch Lam Sơn	69



TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ NĂM 2023
-	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống	89
-	Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ	14
-	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao	86
-	Ban Quản lý di tích Lam Kinh	9
-	Câu lạc bộ Bóng đá Thanh Hoá	14
42	Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu Công nghiệp	16
	Trung tâm Quản lý hạ tầng môi trường và Hỗ trợ đầu tư	16
43	Đài phát thanh truyền hình tỉnh	15
	Trung tâm Triển lãm, Hội chợ và Quảng cáo	15
44	Trường Đại học Hồng Đức	307
-	Trường Đại học Hồng Đức	300
-	Trung tâm Giáo dục Quốc tế	7
45	Trường Cao đẳng Y tế	92
46	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	72
47	Trường Cao đẳng Công nghiệp	115
48	Trường Cao đẳng Nông nghiệp	103
49	Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn	25
50	Liên minh các Hợp tác xã	15
	Trường Trung cấp nghề Tiểu thủ công nghiệp	15
51	Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Dịch vụ	19

Phụ lục III
BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP, ĐỊNH SUẤT LƯƠNG
CỦA CÁC HỘI ĐẶC THÙ CẤP TỈNH NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số 333/NQ-HĐND tỉnh ngày 11 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế và định suất lương năm 2023		
		Tổng số	Trong đó	
			Số lượng biên chế	Định suất lương
	Tổng cộng	79	78	1
1	Liên minh các Hợp tác xã	16	15	1
2	Hội Văn học nghệ thuật	14	14	0
3	Hội Chữ thập đỏ	11	11	
4	Hội Đông y	7	7	
5	Hội Người mù	8	8	
6	Hội Khuyến học tỉnh	1	1	
7	Hội Làm vườn và Trang trại	3	3	
8	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	8	8	
9	Hội Bóng đá	1	1	
10	Hội Luật gia	2	2	
11	Hội Nhà báo	7	7	
12	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	1	1	